

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TRÀ VINH  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HS-ST  
Ngày: 06- 02 -2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Trung Hiếu

Ông Trần Văn Út

**Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Vũ Lăng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:**  
Ông Phan Hoàng Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/HSST-QĐ ngày 24/01/2024 đối với bị cáo:

**Nguyễn Hồng P**, sinh ngày 29/3/1983, tại thành phố H. Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1959; tiền án: Không; tiền sự: không, bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/8/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Thạch Chanh S, sinh năm 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Trần Thùy T, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: khóm Z3, phường X1, thành phố T, tỉnh Tr.

2/ Bùi Lê Hoài Văn, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 1, P, phường T, thành phố T, tỉnh B.

Người làm chứng:

1/ Nguyễn Bảo T, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh V

2/ Đỗ Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Đội 5, thôn V, xã M, huyện P, tỉnh B.

Nơi thường trú: Số 196 T, phường B, quận B, thành phố H.

3/ Trương Hoài B, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Nơi cư trú: số 41/4/4/44, khu phố 10, phường T, quận Q, thành phố H .

4/ Lê Văn H, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Nơi cư trú: số 207 B, phường 04, quận A Thành phố H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 03/4/2023, bị cáo Nguyễn Hồng P thuê từ Nguyễn Bảo T (sinh ngày 11/6/1996, nơi thường trú tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh V) một xe ô tô, nhãn hiệu Mazda 3, màu đỏ, biển số 84A-102.32 do anh Đào Hồng T (sinh ngày 30/10/1989, nơi thường trú tại ấp V, xã H, huyện C, tỉnh T) là chủ sở hữu để chở khách. Đến khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 04/4/2023, sau khi chở khách xong thì bị cáo P hẹn với Trần Thùy T (sinh ngày 26/12/1981, nơi thường trú tại khóm Z3, phường X1, thành phố T, tỉnh T) đến quán cà phê Điểm Hẹn thuộc khóm Q4, phường W5, thành phố T, tỉnh T để uống cà phê. Tại đây, bị cáo P có nhờ T tìm chỗ thế chấp xe ô tô đang thuê từ T để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân thì T đồng ý. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, do anh Đào Hồng T muốn nhận lại xe để cho khách khác thuê nên T mới hẹn với bị cáo P đến quán cà phê P nằm trên đường D5 thuộc khóm Q4, phường W5, thành phố T, tỉnh T để nhận lại xe ô tô của anh Thái, đồng thời giao xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu đỏ, biển số 84A-108.37 do anh Nguyễn Thanh V (sinh ngày 22/4/1979, nơi thường trú tại khóm Z1, phường X8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh) là chủ sở hữu cho bị cáo P tiếp tục thuê với giá 800.000 đồng/ngày và đôi bên thống nhất khi nào trả xe thì tính tiền chứ không thỏa thuận thời hạn thuê.

Đến khoảng 21 giờ ngày 05/4/2023, theo sự thỏa thuận giữa T và Bùi Lê Hoài V (sinh ngày 12/5/1995, nơi thường trú tại tổ 1, P, phường T, thành phố T, tỉnh B) thì bị cáo Phúc đã thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu đỏ, biển số 84A-108.37 cho V để nhận số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Tuy nhiên, bị cáo P chỉ nhận được số tiền 114.000.000 đồng (một trăm mười bốn triệu đồng), còn lại 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) là tiền công của T. Có được số tiền này, bị cáo P dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Đến trưa ngày 06/4/2023, T phát hiện hệ thống định vị của xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu đỏ, biển số 84A-108.37 bị tắt nên điện thoại tra hỏi bị cáo nhưng bị cáo không nói thật mà viện nhiều lý do khác nhau để trì hoãn việc trả lại xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu đỏ, biển số 84A-108.37. Sau đó, bị cáo biết không thể tiếp tục trì hoãn được nữa và bản thân cũng không còn tiền chuộc xe trả lại cho T nên bị cáo nảy sinh ý định sẽ dùng thủ đoạn gian dối để thuê một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 khác để đổi lấy xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu đỏ, biển số 84A-108.37 đem về trả lại cho T. Nghĩ vậy, bị cáo P truy cập vào mạng xã hội Facebook để tìm người cho thuê xe ô tô thì phát hiện anh Thạch Chanh S (sinh

ngày 10/11/1990, nơi thường trú tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh T) có đăng bài viết với nội dung cho thuê xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 84A-096.45 nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe này để đem đổi lấy chiếc xe ô tô nhãn hiệu Maxda 3, màu đỏ, biển số 84A-108.37 đã thuê của anh T. Sau đó, bị cáo P điện thoại cho anh S để đặt vấn đề thuê xe với mục đích chở khách và thời hạn thuê xe là 03 ngày, đồng thời bị cáo P còn chuyển khoản trước cho anh S số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để tạo lòng tin. Thấy vậy, anh S tin tưởng là thật nên đến khoảng 20 giờ cùng ngày, anh S đã giao xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 84A-096.45 cho bị cáo P tại khóm Z4, phường X1, thành phố T, tỉnh T. Sau khi có được xe, bị cáo P đã liên hệ với T để nhờ T thương lượng việc đổi lại xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu đỏ, biển số 84A-108.37 đem về trả lại cho T.

Đến khoảng 15 giờ ngày 09/4/2023, sau nhiều lần thương lượng và T cũng đã chuyển phí giữ xe cho Bùi Lê Hoài V số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) thì bị cáo P đã mang chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 84A-096.45 đến bãi đất trống trên Hương Lộ 2, phường B quận B, thành phố H để giao cho Đỗ Văn T (sinh ngày 20/02/1993, nơi thường trú tại đội 5, thôn V, xã M, huyện P, tỉnh B) và đổi lấy xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu đỏ, biển số 84A-108.37 đem về. Thời điểm này do không có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo P đã tiếp tục mượn T thêm 1.000.000 đồng (một triệu đồng) nhưng sau đó, bị cáo P đã trả lại cho T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Sau khi nhận được xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu đỏ, biển số 84A-108.37 thì bị cáo P liền đem về trả lại cho T và trả cho T tiền thuê xe cùng các khoản phí phát sinh khác với tổng số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Riêng T sau khi nhận được xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 84A-096.45 theo sự nhờ vả của Văn thì T liền đưa xe này cho Trương Hoài B (sinh ngày 13/3/1994, nơi thường trú tại số 41/4/4/44, khu phố R10, phường T, quận T12, H) đem cất giữ tại bãi giữ xe 93 Thương Mại, địa chỉ số 30/3B, quốc lộ T22, xã T, huyện H, thành phố H. Sau đó, anh S phát hiện hệ thống định vị của xe mình bị tắt nên đã điện thoại tra hỏi bị cáo P, do lo sợ anh S sẽ trình báo sự việc với Công an nên bị cáo liền tiếp tìm cách trì hoãn và hứa hẹn sẽ chuộc lại xe cho anh S nhưng không thực hiện. Đến ngày 02/5/2023, Lê Văn H (sinh ngày 12/3/2002, nơi thường trú tại số 207, Bãi Sậy, phường C4, quận V 6, thành phố H) thuê xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 84A-096.45 từ B để đi du lịch tại thành phố Đà, tỉnh Lâm Đồng thì bị anh S phát hiện thông qua tin nhắn báo thu phí đường bộ nên anh S đã trình báo sự việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh T

Đến ngày 03/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đã phối hợp với Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lâm Đồng thu hồi được xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 84A-096.45. Qua kết quả điều tra, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận tại thời điểm chiếm đoạt xe ô tô của anh Thạch Chanh S thì bị cáo đã mất cân đối về tài chính, bản thân không còn bất kỳ tài sản gì, không còn khả năng chuộc lại xe của anh S.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 16/BKLDGTS ngày 18/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 84A-

096.45 của anh Thạch Chanh S có giá trị thành tiền tại thời điểm bị chiếm đoạt là 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng).

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án:

Về tình tiết tăng nặng: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo có ông Nội là người có công với Cách Mạng được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba; bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu đỏ, biển số 84A-108.37, mặc dù bị cáo có mang đi thế chấp nhưng qua quá trình điều tra chứng minh được bị cáo không có ý thức chiếm đoạt chiếc xe này mà chỉ đem đi thế chấp lấy tiền xoay sở tạm thời trong kinh doanh. Giữa bị cáo và Nguyễn Bảo T cũng chỉ có thỏa thuận miệng về việc thuê xe, hai bên thống nhất khi nào trả xe sẽ tính tiền chứ không thỏa thuận về thời hạn thuê xe. Đến khi bị Nguyễn Bảo T đòi lại xe thì bị cáo P cũng đã chuộc xe trả lại cho Nguyễn Bảo T và thanh toán các khoản chi phí phát sinh đúng như thỏa thuận ban đầu giữa hai bên nên không truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo về hành vi đối với chiếc xe này.

Đối với Trần Thùy T, Bùi Lê Hoài V, Đỗ Văn T, Trương Hoài B và Lê Văn H do không biết chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 84A-096.45 mà bị cáo P giao cho là tài sản do lừa đảo chiếm đoạt mà có nên không xem xét xử lý đối với những người này.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Ngày 22/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đã trả lại cho anh Thạch Chanh S một xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 84A-096.45, xe đã qua sử dụng.

Phản dân sự:

Anh Thạch Chanh S yêu cầu bị cáo P bồi thường tiền thuê xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 84A-096.45 trong thời hạn 68 ngày và tiền công anh S tìm kiếm xe này với tổng số tiền 74.400.000 đồng (bảy mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bùi Lê Hoài V yêu cầu bị cáo Phúc trả lại số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) mà P đã mượn của Bùi Lê Hoài V.

Trần Thùy T đã cho P mượn số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và tiền phí giữ xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu đỏ, biển số 84A-108.37 là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Bị cáo P đã trả trước cho Trần Thùy T được 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nên Trần Thùy T yêu cầu bị cáo P phải tiếp tục trả số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) còn lại.

Tại bản cáo trạng số: 66/CT-VKS-HS ngày 30/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố Nguyễn Hồng P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồng P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt

tài sản” như Bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của bị cáo. Vì đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P từ 10 năm đến 11 năm tù. Đồng thời buộc bị cáo bồi thường cho anh Thạch Chanh S 74.400.000 đồng (tiền thuê xe 54.400.000 đồng (800.000 đồng x 68 ngày), 20.000.000 đồng tiền chi phí tìm kiếm xe); đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Lê Hoài V vắng mặt, Hội đồng xét xử dành riêng cho 01 vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu và nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Hồng P đã khai nhận: Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 20 giờ ngày 06/4/2023, tại khu vực thuộc khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Nguyễn Hồng P đã nói dối với anh Thạch Chanh S là thuê xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 84A-096.45 của anh S để chở khách nhằm làm cho anh S tin tưởng giao xe cho bị cáo, sau khi nhận được xe bị cáo đem đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ hết. Qua kết quả định giá tài sản, chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 84A-096.45 của anh Thạch Chanh S tại thời điểm giám định có giá trị là 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng). Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hồng P đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Hồng P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do không có tiền tiêu xài và trả nợ nên bị cáo nảy sinh ý định phạm tội từ trước, bị cáo dùng những lời lẽ gian dối làm cho bị hại tưởng giả là thật, tưởng kẻ gian là người ngay từ đó đã giao tài sản cho bị cáo mà không hề hay biết. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo chưa tiền án, tiền sự; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông nội, bà nội là người có công với nước. Nghĩ nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Thạch Chanh S yêu cầu bị cáo bồi thường 74.400.000 đồng (bảy mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) gồm: (54.400.000 đồng tiền thuê xe (800.000 đồng/ ngày x 68 ngày) và 20.000.000 đồng tiền chi phí tiềm kiếm xe, bị cáo đồng ý bồi thường yêu cầu của bị hại Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo với bị hại.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Lê Hoài V vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử dành riêng cho 01 vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Chị Trần Thùy T không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2023.

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại anh Thạch Chanh S 74.400.000 đồng (bảy mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Dành riêng cho anh Bùi Lê Hoài V một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.  
Chị Trần Thùy T không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền còn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Hồng P nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.720.000 đồng (ba triệu bảy trăm hai chục nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai; báo cho bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TPTV;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Nhà tạm giữ CA TP.Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Thanh Sỹ**